

LỊCH SỬ MỸ THUẬT VIỆT NAM

2.2 Mỹ thuật Việt Nam

2.2.1 Mỹ thuật Việt Nam thời kỳ nguyên thủy và thời đại dựng nước

Thời kỳ nguyên thủy hay còn gọi là thời tiền sử, là thời kỳ chưa hình thành và ra đời lịch sử thành văn. Các nhà khảo cổ học đã chia thời kỳ đồ đá ra làm ba giai đoạn: thời kỳ đồ đá cũ (văn hóa Sơn Vi), thời kỳ đồ đá giữa (văn hóa Hòa Bình) và thời kỳ đồ đá mới (văn hóa Bắc Sơn). Thời kỳ đầu con người sống chủ yếu bằng săn bắt, hái lượm, sống theo bầy đàn trong các hang động, công cụ lao động thô sơ đến thời kỳ đồ đá mới, văn minh nông nghiệp mới bắt đầu được hình thành, đời sống ổn định lâu dài hơn, tư duy con người ngày một phát triển hơn, đã bắt đầu có sự phân công lao động. Tất cả những điều đó là sự chuẩn bị cho việc ra đời một chế độ xã hội mới với sự hình thành Nhà nước ở giai đoạn sơ khai nhất.

Trong lịch sử mỹ thuật thế giới đến cuối thời kỳ đồ đá cũ đã bắt đầu xuất hiện những dấu vết đầu tiên về nghệ thuật tạo hình. Ở Việt Nam, thời kỳ đồ đá cũ với văn hóa Sơn Vi, ta tìm được chủ yếu là hòn ghè và các công cụ chày. Văn hóa Hòa Bình chúng ta tìm được những dấu hiệu mỹ thuật đầu tiên. Mặc dù đó chỉ là những hình khắc đơn giản về nội dung và bằng trình độ tạo hình sơ khai nhưng sự xuất hiện của những hình khắc đó đã khẳng định sự ra đời nền nghệ thuật tạo hình của người Việt cổ. Ở thời kỳ đồ đá mới, con người đã biết làm đồ gốm, những hoa văn đầu tiên là những dấu nặn, những dấu vân tay còn lại trên gốm trong quá trình nặn, sau đó là những hình mẫu có sẵn trong tự nhiên được đơn giản hay cách điệu hóa. Bên cạnh khả năng tạo hình và trang trí, người nguyên thủy thời kỳ này còn biết sử dụng màu sắc, như màu đỏ thổ hoàng... Ngoài ra các nhà khảo cổ học cũng phát hiện khá nhiều những hình chạm khắc trên đất hoặc đá của người Việt cổ. Các hình chủ yếu là hình vuông được sắp xếp như một mặt người vẽ theo kiểu kĩ hà.

Một số đặc điểm của mỹ thuật nguyên thủy Việt Nam

Về loại hình nghệ thuật: trong giai đoạn sơ khai này của mỹ thuật, chúng ta mới tìm được một số tác phẩm nghệ thuật chạm khắc trên chất liệu đá, đất, xương thú. Căn cứ trên các hiện vật tìm được, ta chưa thấy có nghệ thuật hội họa hay điêu khắc tượng tròn. Nghệ thuật chạm khắc và trang trí gốm đã hình thành và dần phát triển.

Về nội dung, đề tài: hình chạm khắc chủ yếu đi vào đề tài chân dung con người hoặc khái quát hình tượng đầu thú. Một số tác phẩm mang tính trang trí và tượng trưng đề cập tới đề tài lá cây, thiên nhiên.

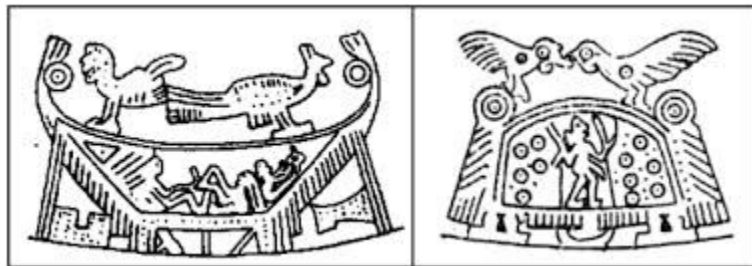
Về cách thể hiện: bước đầu các nghệ nhân nguyên thủy đã bộc lộ khả năng quan sát, thể hiện đặc điểm đặc trưng của một số sự vật, hình tượng. Tỷ lệ tương đối cân đối, một số hình còn thể hiện ý thức về bố cục. Ngoài khả năng vẽ hình, các nghệ nhân nguyên thủy còn bắt đầu tìm cách sử dụng màu để vẽ hoặc nhuộm trên các bình gốm, đồ trang sức...

Mỹ thuật Việt Nam thời kỳ dựng nước

Các nhà khảo cổ học, nhà sử học chia thời đại dựng nước ra làm bốn giai đoạn tương đương với bốn nền văn hóa: Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun và Đông Sơn.

Nghệ thuật kiến trúc:

Các kiến trúc không còn tồn tại và để lại dấu vết, song ít nhất nó còn tồn tại trong sử sách. Trên hiện vật trống Đồng Đông Sơn, ta thấy có hình chạm khắc nhà sàn theo hai kiểu: kiểu thứ nhất có mái cong võng xuống, hai bên đầu mái được trang trí hình một hoặc con chim cách điệu. Kiểu thứ hai mái tròn, cuộn hai đầu mái là hai hình tròn đồng tâm, sàn thấp.



Hình nhà sàn trên trống đồng Đông Sơn

Di tích thành Cổ Loa là một tác phẩm kiến trúc quân sự của cha ông chúng ta. Thành được xây dựng gồm có ba vòng thành, tổng chiều dài khoảng 16km. Đây vừa là kinh đô vừa là thành lũy của quốc gia Âu Lạc.

Ngoài ra còn có các pho tượng thời đồ đồng như: tượng người bằng đá, tượng người thổi khèn trên cán muôi, tượng người trên cán dao, tượng người cồng nhau nhảy múa...



Tượng người thổi khèn trên cán muôi
(Việt Khê – Hải Phòng)



Tượng người trên cán dao
(Đông Sơn – Thanh Hóa)

Nghệ thuật chạm khắc trang trí: nghệ thuật chạm khắc trang trí được thể hiện rõ nét và nổi bật nhất trên trống đồng. Đặc biệt ở trống đồng Đông Sơn, các hình vẽ trang trí thể hiện nhiều mặt cuộc sống sinh hoạt con người thời kỳ này: cuộc sống làm ăn, vui chơi, lễ hội, cách ăn mặc, trang phục...

Trống đồng Đông Sơn có sự thống nhất trong trang trí, phần mặt trống được trang trí bằng nhiều hoa văn phong phú, trong cùng thường là một ngôi sao có nhiều cánh. Theo cách hiểu thông thường đây chính là biểu tượng Mặt trời, ở khoảng trống giữa các cánh sao là hoa văn lông công. Trên mặt trống đồng Ngọc Lũ (Hà Nam), là ba vành hoa văn diễn tả sinh hoạt của con người, chim, thú. Ngoài cùng được nhắc lại 5, 6 vành hoa văn hình học bố trí cân đối, các hình tượng có độ cao thấp, tạo ra các mảng sáng tối, đậm nhạt phong phú cho toàn bộ hình trang trí mặt trống. Các hình được diễn tả bằng nét thẳng dứt khoát, khúc triết xen kẽ nét cong tạo sự mềm mại cần thiết.

Trên các đồ đồng như thạp, thố... các nghệ nhân cũng khắc nhiều hình trang trí với đề tài phong phú được cách điệu cao, diễn tả những nét đặc trưng của các hình tượng.

Phần lớn các hoa văn trang trí trên đồ gốm đều được bố cục thành các dải băng ngang. Đôi chỗ và tùy theo loại hình mà các nghệ nhân tạo các bố cục ô dọc theo thân gốm. Tất cả đều được gợi từ những hình mẫu có sẵn trong tự nhiên nhưng được cách điệu hoặc đơn giản hóa và mang trình độ thẩm mỹ cao.



Hoa văn trên trống đồng Ngọc Lũ

2.2.2 Mỹ thuật thời kỳ phong kiến độc lập dân tộc

Mỹ thuật thời Lý (1009 – 1225)

Vào đời Lý, công cuộc xây dựng đất nước bắt đầu bước vào quy mô lớn, đặt nền tảng vững chắc và toàn diện cho sự phát triển của dân tộc và quốc gia phong kiến độc lập. Xã hội thời lý với tín ngưỡng dân gian, tục lệ thờ cúng... vẫn được duy trì và ăn sâu trong nếp nghĩ của người dân. Bên cạnh đó là sự phát triển và ảnh hưởng của Phật giáo trong giới quý tộc. Tất cả mọi điều kiện xã hội đã có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của mỹ thuật thời Lý.

Nghệ thuật kiến trúc: kiến trúc thời Lý phát triển mạnh ở cả hai thể loại: kiến trúc tôn giáo và kiến trúc thế tục. Ở kiến trúc thế tục, đáng chú ý là những công trình kiến trúc thuộc về cung đình. Trong đó nổi bật là thành Thăng Long. Kinh thành Thăng Long được xây dựng theo bố cục cân xứng, đăng đối và tất cả đều quy tụ về điểm giữa, điểm trung tâm. Do sự ảnh hưởng của Phật giáo, kiến trúc chùa tháp cũng khá phát triển. Chùa Một Cột là một trong những dấu vết nền móng của các công trình kiến trúc chùa cổ thời Lý. Chùa được xây dựng như một bông hoa sen vươn lên từ mặt hồ Linh Chiểu. Chùa có kiến trúc hình vuông được dựng trên

một cột cao 4m. Ngoài ra còn có chùa Phật tích (Tiên Sơn, Bắc Ninh), chùa Dạm (Quế Võ, Bắc Ninh)... cũng là các chùa có kiến trúc đẹp và quy mô lớn của thời Lý.



Chùa Một Cột, Hà Nội

Nghệ thuật điêu khắc: nghệ thuật điêu khắc thời Lý cũng gắn liền với nghệ thuật kiến trúc. Đi cùng với kiến trúc chùa tháp là các pho tượng Phật, tượng thờ, các chạm nổi trên gỗ, đá với nhiều đề tài khác nhau.



Tượng thú chùa Phật Tích

Ngoài ra còn có một số tượng được tạo ra từ những yếu tố thần thoại, tôn giáo như tượng “Người chim đánh trống”, là sự kết hợp một cách hài hòa và hợp lí của hai yếu tố người và chim.

Chạm nổi trang trí: các hình tượng hoa sen, hoa cúc, con rồng, sấu, sóng nước, nhạc công, vũ nữ... là những mô-típ chủ yếu trong chạm nổi trang trí của thời Lý. Các hoa văn trang trí thời Lý được cách điệu cao và thường được sắp xếp thành các đồ án trang trí cụ thể trong hình tròn, hình lá đề... Mật độ hoa văn trang

trí dày đặc trên bề mặt. Hình tượng con rồng được trang trí trong kiến trúc và điêu khắc thuộc về Phật giáo và cung đình. Hình tượng con người cũng đã xuất hiện trong chạm nổi trang trí thời Lý với đề tài dàn nhạc công trên mặt bên của đá kê chân cột chùa Phật Tích.

Nghệ thuật thời Lý mang tính cách điệu cao, hình khối, đường nét mềm mại, uyển chuyển. Hoa văn trang trí đều được cách điệu từ hình trong tự nhiên song ở trình độ cao, các đồ án trang trí độc đáo, đầy chất sáng tạo.

Nghệ thuật hội họa thời Lý

Với tài năng trong nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc như đã nêu ở trên, không có lí do gì khiến hội họa không được sáng tác và không đạt trình độ như kiến trúc hoặc điêu khắc. Các văn bia, thư tịch cổ đã chứng minh được điều này. Tuy vậy cùng với sự đổ nát, bị phá hủy của kiến trúc, tranh cũng không còn giữ được đến ngày nay. Mặc dù có thể thấy một số thể loại tranh được sáng tạo ở thời Lý như tranh trang trí gắn với kiến trúc, tranh chân dung, tranh chữ, tranh bản đồ, tranh Phật giáo.

Một số đặc điểm của mỹ thuật thời Lý

Nền mỹ thuật thời Lý đã phát triển tương đối hoàn thiện về các loại hình nghệ thuật. Trong đó kiến trúc, điêu khắc và hội họa, trang trí phát triển đạt trình độ nghệ thuật cao và gắn bó với nhau thành một tổng thể hoàn chỉnh.

Các công trình kiến trúc thời Lý có quy mô lớn nhất là kiến trúc thuộc về Phật giáo. Các công trình thường được xây ở nơi có cảnh thiên nhiên rất đẹp.

Kiến trúc và điêu khắc thời Lý thường được bố cục một cách chặt chẽ, cân xứng hài hòa và hướng vào trọng tâm, chủ đề của tác phẩm. Các tác phẩm đều gắn với hình tượng hoa sen thanh cao, tinh khiết, hoàn toàn phù hợp với quan niệm của nhà Phật. Điêu khắc thời kỳ này gắn liền với kiến trúc, các hình tượng điêu khắc đều bắt nguồn từ thực tế thiên nhiên, con người sinh động. Trong nghệ thuật tạo hình đã hình thành được phong cách riêng, mang theo đặc điểm tinh thần dân tộc.

Mỹ thuật thời Lý hướng tới sự hoàn thiện, mẫu mực trong đường nét, khối hình. Hoa văn nhỏ, dày đặc, phần lớn trên bề mặt của tác phẩm điêu khắc. Hoa văn trang trí được cách điệu cao, sắp xếp trong bố cục hình tròn, vuông, hình vuông nhọn đầu. Về phong cách thể hiện, mỹ thuật thời Lý mang tính tôn giáo, chính thống nhiều hơn tính dân gian. Đồng thời trong mỹ thuật thời Lý còn kết hợp nhuần nhuyễn hai tính chất tôn giáo thần bí và tính chất vương quyền, quý tộc.

Mỹ thuật nói chung và hội họa nói riêng phục vụ cho quan niệm của nhà Phật. Ngoài ra các tác phẩm còn bộc lộ tình cảm quê hương, đất nước, hướng mọi người tới sự mẫu mực, lí tưởng hóa, khuyến khích việc thiện...

Mỹ thuật thời Trần (1225 – 1400)

Vào thời đại nhà Trần, ý thức dân tộc càng được khẳng định. Nhà Trần thay nhà Lý ổn định trật tự trong nước. Bộ máy chính quyền được xây dựng có hệ thống từ trung ương đến địa phương. Nho giáo tuy chưa phát triển mạnh như Phật giáo nhưng với cơ sở từ thời Lý, sang thời Trần, nhà nước cũng rất chú trọng đến việc học hành, thi cử chọn nho sĩ có tài. Về kinh tế, nhà nước chú trọng những chính sách khuyến khích nông nghiệp phát triển. Vì vậy, nhà nước phong kiến dưới thời Trần ngày một vững mạnh hơn.

Tất cả những điều kiện xã hội đó đã phần nào ảnh hưởng tới sự phát triển mỹ thuật thời Trần và nhất là tạo điều kiện thuận lợi cho văn hóa nghệ thuật dân gian phát triển, tạo nên đặc điểm riêng biệt cho mỹ thuật thời Trần.

Một số đặc điểm của mỹ thuật thời Trần

- Sự kế thừa những tinh hoa văn hóa thời Lý. Toàn bộ gia sản văn hóa của thời Lý nhất là về mặt kiến trúc, thời Trần đã được thừa hưởng. Mãi đến sau kháng chiến chống quân Nguyên Mông, kinh thành Thăng Long bị tàn phá nặng nề, nhà Trần mới cho xây lại. Những kiến trúc từ thời Lý như tháp Báo Thiên, chùa Dạm, chùa Phật Tích... vẫn còn tồn tại. Mỹ thuật thời Trần cũng đã có sự chuyển biến dần về phong cách. Tuy vậy cũng không thể có ngay một phong cách khác mà cần phải có thời gian. Như trong nghệ thuật chạm khắc, những đề tài, hình tượng ít có sự thay đổi, ta lại gặp những nội dung, đề tài quen thuộc (sóng nước, rồng, hoa sen,

người chim, mây, mặt trời...) Hoa văn sóng nước vẫn mang tinh thần văn hoa hình nấm, cao tầng như thời Lý.

Hình rồng vẫn mang những nét điển hình của rồng thời Lý như sự đều đặn, uốn lượn nhịp nhàng và sự mềm mại của đường nét.

- Những thay đổi và sáng tạo trong mỹ thuật thời Trần

Nghệ thuật kiến trúc: từ năm 1262, kiến trúc thời Trần đã bắt đầu bộc lộ phong cách của mỹ thuật thời Trần với kiến trúc chùa, tháp Phổ Minh, tháp Bình Sơn, chùa Thái Lạc... Sự thay đổi về quan niệm đã dẫn đến sự thay đổi về vị trí, kiểu dáng các công trình kiến trúc, cách thể hiện các đề tài trang trí mang tính hiện thực, phóng khoáng và thoáng đạt hơn.

Sang thời Trần, kiến trúc chùa cũng được xây thành từng cụm chùa riêng theo từng bậc cấp giống chùa thời Lý thường được trải dài trên ba bốn bậc cấp, cao dần. Và kiến trúc chùa còn được xây dựng theo kiểu “nội công ngoại quốc” có nghĩa là ba tòa Tiền Đường, Thiên Hương, Thượng Điện được sắp xếp theo kiểu chữ công (工) hành lang bao quanh giống như chữ quốc (国).

Tháp thời Trần được xây dựng theo kiểu tháp vuông 4 mặt, có nhiều tầng, nhỏ dần về phía ngọn. Tháp thường đi với kiến trúc chùa và có chiều cao hơn ngôi chùa rất nhiều.

Cùng với kiến trúc Phật giáo, trong thời Trần hai thể loại kiến trúc cung đình và kiến trúc lăng mộ cũng khá phát triển. Kiến trúc cung đình thời Trần có ba công trình lớn như kinh thành Thăng Long, thành Tây Đô và phủ Thiên Trường (Nam Định). Ngoài ra, thời kỳ này đã bắt đầu có những kiến trúc lăng mộ của các vua hoặc quan lớn như Trần Thủ Độ cũng được xây lăng ở Hưng Nhân (Thái Bình).

Nghệ thuật điêu khắc:

Thời kỳ này điêu khắc vẫn gắn liền với kiến trúc. Đi với kiến trúc chùa tháp có tượng Phật, tượng thờ tượng rồng, tượng sấu. Với lăng mộ có tượng quan hầu, tượng thú vừa mang tính chất trang trí vừa mang tính chất tâm linh.

Các tác phẩm chạm khắc trang trí vẫn thể hiện những đề tài quen thuộc, tuy vậy cũng có một số thay đổi như đề tài thể hiện tổng hợp: đầu rồng, sừng tê, ngọc báu... Hình tượng các cô tiên dân hương, dâng hoa đều thể hiện trong hình thức nửa người nửa chim rất phong phú và sinh động. Hình tượng rồng mặc dù về cơ bản vẫn giữ được nhiều nét thừa kế rồng thời nhà Lý song cách biểu hiện lại có nhiều sự thay đổi, các khúc uốn cong không còn đều đặn, thoăn thoắt mà khúc doãng, khúc mau tạo sự sống động và hiện thực hơn. Nét hình rồng thời Trần khỏe khoắn, mập mạp, cứng cáp hơn hình rồng thời Lý.



Hình rồng trên bệ Tam Thế

Nghệ thuật hội họa: bên cạnh những tác phẩm chân dung mang tính chất lí tưởng như tranh chân dung 72 người học trò giỏi của Khổng Tử, thời Trần còn có bộ tranh chân dung của những người có công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông...

Mỹ thuật Lê Sơ (1427 – 1527)

Vào thời Lê Sơ, nền văn hóa, nghệ thuật của chúng ta đã bị tổn thất nghiêm trọng dưới sự xâm lược, tàn phá của quân Minh. Sau khi lên ngôi vua, Lê Lợi đã có nhiều chính sách để phục hồi kinh tế. Đến đời vua Lê Thánh Tông, chế độ phong kiến tập quyền phát triển đến mức cực thịnh. Bộ luật Hồng Đức được ban hành. Phật giáo bị hạn chế và Nho giáo phát triển mạnh vào thời kỳ này. Vì vậy, có thể nói vào thời Lê Sơ, mỹ thuật phục vụ tư tưởng Nho giáo của của giai cấp thống trị phát triển mạnh hơn nghệ thuật Phật giáo và nghệ thuật dân gian.

Nghệ thuật kiến trúc thời Lê Sơ

Trong thời Lê Sơ, nhiều thể loại kiến trúc được phát triển như: kiến trúc cung đình, kiến trúc lăng mộ, kiến trúc đền miếu, trường thi... Bên cạnh đó, do truyền thống ưa chuộng đạo Phật từ lâu đời, nhà nước cũng cho tu sửa nhiều ngôi chùa được xây dựng từ thời Lý, Trần.

- Kiến trúc cung đình: kinh thành Thăng Long được xây dựng lại với quy mô lớn hơn và được đổi tên thành Đông Kinh. Ngoài ra, nhà Lê còn cho xây dựng Điện Lam Kinh theo đồ án gần như một hình chữ nhật, gồm ba lớp cao dần trên triền đồi, là nơi tụ họp sinh sống của họ hàng thân thích nhà vua, bên trong có nhiều lăng mộ của vua và hoàng hậu.

- Kiến trúc tôn giáo: bao gồm kiến trúc chùa tháp, kiến trúc đền miếu và kiến trúc lăng mộ. Do Phật giáo bị hạn chế nên các chùa không được xây dựng thêm nhiều, chủ yếu là trùng tu. Nhiều đền miếu được xây dựng vào thời kỳ này để phục vụ cho nhu cầu thờ thần, thánh và các anh hùng dân tộc. Các đền miếu ở kinh đô đều được làm theo kiểu chữ công.

Bên cạnh đó, kiến trúc Nho giáo cũng được chú ý xây dựng với kiến trúc trường học, trường thi. Văn Miếu Quốc Tử Giám là một trong những kiến trúc còn tồn tại đến ngày nay. Lăng Lê Thái Tổ được xây dựng đầu tiên và cũng là tiêu biểu cho kiến trúc lăng mộ thời Lê, ngôi đất mộ có xây bó gạch xung quanh, dọc hai bên đường dẫn vào mộ được sắp xếp hai dãy tượng đối xứng qua trục thần đạo.

Nghệ thuật điêu khắc thời Lê Sơ

- Điêu khắc ở lăng mộ: các pho tượng thường gồm: người, lân, tê giác, ngựa, voi, hổ. Các pho tượng đều có kích thước nhỏ, cách thể hiện đơn giản, biểu hiện ở cách tạo dáng, khối, đường nét. Tỷ lệ các phần cũng chưa thật chính xác. Hoa văn trang trí trên tượng ít. Các pho tượng mang đậm tính chất Nho giáo về nội dung và cách sắp xếp đối xứng qua Thần đạo... và cả quan niệm, thị hiếu thẩm mỹ dân gian do người làm ra chúng đều xuất thân từ nông dân hoặc người lao động bình thường.

Từ thời Lê Thánh Tông, các tác phẩm điêu khắc tính dân gian giảm dần, ngược lại tính chính thống thể hiện rõ hơn trong các tác phẩm. Đó là sự mềm mại,

nhỏ, cầu kì trong đường nét, chặt chẽ, khái quát và mang tính biểu hiện, tượng trưng cao. Một trong những tác phẩm điển hình là bia Vĩnh Lăng.



Bia Vĩnh Lăng tại khu di tích Lam Kinh (Thanh Hóa)

Tượng rồng ở thanh bậc cửa điện Kính Thiên với các chi tiết được thể hiện rõ ràng, bờm tóc mềm mại chảy về phía sau, kết hợp với các khúc uốn đều đặn tạo ra vẻ độc đáo cho hình tượng rồng của thời kỳ này.

Nghệ thuật hội họa thời Lê Sơ

Thể loại tranh chân dung đã phát triển từ các thế kỉ trước nay vẫn được chú trọng. Đó là tranh chân dung của những người nổi tiếng trung quân ái quốc. Trên đồ gốm cũng xuất hiện các hình vẽ với sự phong phú về thể loại và bút pháp rất đặc biệt. Hình vẽ có thể là một hình đơn lẻ, cũng có thể là một đồ án trang trí được bố cục chặt chẽ, đậm nhạt phong phú, đường nét sinh động, thường là các dải hoa văn ngang, vòng quanh thân gốm.



Hình vẽ trên đồ gốm thời Lê Sơ

Mỹ thuật thời Lê Trung Hưng (1593 – 1788)

Thời kỳ này chính là thời kỳ vua Lê chúa Trịnh, Đại Việt bị chia làm hai miền, chiến tranh Nam Bắc triều xảy ra, kéo dài suốt từ năm 1593 đến năm 1788 khi Nguyễn Huệ xưng vương, mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử Việt Nam.

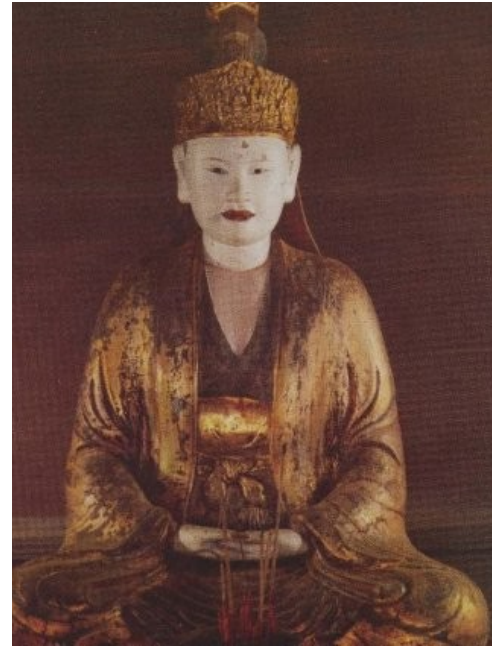
Sự phát triển của mỹ thuật Phật giáo

Thời kỳ này, Phật giáo có điều kiện phát triển trở lại, nhiều chùa mới được xây dựng cùng với việc sửa chữa, tu bổ lại các ngôi chùa cũ... trong đó có chùa Côn Sơn (Hải Phòng), chùa Keo (Thái Bình), chùa Ngọc Khám, chùa Bút Tháp (Bắc Ninh), chùa Thầy, chùa Mía (Hà Nội)...

Kiến trúc và điêu khắc của chùa Bút Tháp: chùa Bút Tháp có vẻ đẹp của sự kết hợp giữa đá và gỗ, tạo nên nét độc đáo về sử dụng chất liệu trong kiến trúc. Mặt khác còn là sự nhịp nhàng và cân đối giữa điêu khắc và kiến trúc. Tượng Phật điện chùa Bút Tháp tương đối hoàn chỉnh và đầy đủ thể loại. Tiêu biểu phải kể đến là tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay. Ngoài ra, chùa Bút Tháp còn có rất nhiều tượng chân dung với vẻ đẹp sang trọng, quý phái thể hiện các hoàng hậu, công chúa như tượng Trịnh Thị Ngọc Trúc, Lê Thị Ngọc Duyên...



Tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay



Tượng Hoàng thái hậu

(chùa Bút Tháp)

Kiến trúc đình làng: từ [thế kỷ 17](#), nhiều ngôi đình làng, xã đã được xây dựng; sang thế kỷ 18 gần như làng xã nào cũng có đình. Thời Chính Hòa ([1680-1705](#)) được xem là đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc đình làng. Những ngôi đình làng có kiến trúc độc đáo như đình làng Chu Quyến ([Hà Nội](#)), đình làng Thổ Tang, Ngọc Canh ([Vĩnh Phúc](#)). Tại đình Chu Quyến có những tượng tròn và hoạt cảnh như tượng chim, phượng, người cưỡi báo gắn trên giá đỡ ở cột. Tại đình Thổ Tang và Ngọc Canh, phù điêu được kết thành chuỗi dài với các hoạt cảnh gồm hai ba tầng như người đi cày, đi săn, đá cầu, đấu võ, hội làng...

Sang [thế kỷ 18](#), có nhiều ngôi đình làng có kiến trúc khá đẹp như đình Thạch Lỗi (Văn Giang, [Hưng Yên](#)), Nhân Lý (Nam Sách, [Hải Dương](#)), đình Đình Bảng ([Bắc Ninh](#))

Chạm khắc đình làng cũng mang nhiều nét đặc sắc, những chạm khắc trang trí mang tính dân gian sâu sắc, được thể hiện qua nội dung và hình thức nghệ thuật.



Chuốc rượu. Đình Hoàng Xá



Đánh cờ. Đình Ngọc Canh



Hội mùa. Đình Thổ Tang



Múa trên lưng rồng. Đình Liên Hiệp

Mỹ thuật thời Tây Sơn

Thời kỳ Tây Sơn chỉ kéo dài 14 năm. Trong 14 năm ấy, tình hình xã hội có thể chia làm ba giai đoạn: những năm đầu ổn định, khôi phục nền kinh tế và chiến tranh với nhà Nguyễn, suy thoái. Mỹ thuật thời Tây Sơn cũng phát triển và thành công trong nhiều loại hình: kiến trúc, điêu khắc...

Kiến trúc chùa: nổi bật nhất là chùa Tây Phương, kiến trúc chùa có nhiều sự thay đổi so với chùa trước đây, chùa gồm tam bảo: chùa Hạ, chùa Trung và chùa Thượng, cả ba tòa có mái cao thấp, nhấp nhô theo nhịp điệu lặp lại. Chùa không xây hàng lang sử quốc bao quanh, ba tòa hòa nhập với không gian xung quanh, không bị vây kín trong khuôn viên như chùa thời Lý, Trần.



Chùa Tây Phương (Hà Tây)

Nghệ thuật điêu khắc: điêu khắc thời Tây Sơn chủ yếu là tượng tròn, chắc, đóng kín, được thể hiện với phong cách hiện thực, sống động. Vẻ đẹp của tượng là vẻ đẹp hoàn thiện giữa ngoại hình và nội tâm nhân vật. Đặc biệt là các pho tượng ở chùa Tây Phương. Chất thần bí cao siêu giảm dần, thay vào đó là các nét tình cảm của con người như vui, buồn, giận giữ, yêu thương... khiến cho tượng tôn giáo trở nên gần gũi với dân gian. Đường nét phong phú, dứt khoát tạo ra các bố cục cô đọng, chắc chắn cho các pho tượng.

Mỹ thuật thời Nguyễn (1802 – 1885)

Triều đại nhà Nguyễn là một triều đại phong kiến phát triển vào lúc ở bên ngoài chủ nghĩa tư bản đang phát triển, ở trong nước thì đây là triều đại cuối cùng của chế độ phong kiến trong quá trình khủng hoảng, suy yếu. Vì vậy, thời Nguyễn có nhiều điều kiện phát triển khác so với các thời kỳ trước. Dưới triều Nguyễn, kinh tế nông nghiệp ngày càng sa sút, đời sống nhân dân ngày càng cực khổ, nhà nước không coi trọng văn hóa dân tộc, ra lệnh bỏ chữ Nôm, dùng chữ Hán. Hệ tư tưởng chính thống và nền văn hóa phục vụ giai cấp phong kiến bị khủng hoảng. Trong tình hình đó, những sáng tác dân gian, nhất là trong lĩnh vực văn học, mỹ thuật được phát triển mạnh mẽ. Nhà nước có nhiều chính sách đối nội rất khắt khe, điều này đã làm việc xây dựng các công trình kiến trúc làng xã ít hơn trước rất nhiều. Các đề tài truyền thống được thay vào đó là các đề tài bát bửu, bát tiêu, bát thụ, bát quả... ca ngợi kẻ sĩ phái, cảnh bồng lai nhàn hạ, sự quyền quý, người quân tử... Càng về cuối thời Nguyễn, nét dân gian trong nghệ thuật tạo hình càng được tăng cường trong các đề tài tôn giáo và nhất là trong văn hóa làng xã.

Nghệ thuật kiến trúc

- Nghệ thuật cung đình: năm 1803 vua Gia long cho xây dựng kinh thành Huế, đây là một trong những kiến trúc cung đình nổi bật nhất và còn tồn tại đến ngày nay. Kinh thành là một hình vuông, gồm ba vòng thành với kiến trúc sắp xếp cân đối, đối xứng. Khu Đại Nội với tên gọi các công trình có điểm trùng lặp với các cung điện của thành Bắc Kinh, song thành Huế thực sự là một công trình kiến trúc mang phong cách Việt Nam.



Toàn cảnh kinh thành Huế

- Kiến trúc tôn giáo: nhà Nguyễn đề cao Nho Giáo, vì vậy năm 1803 nhà Nguyễn cho xây dựng Quốc tử giám ở kinh đô Huế, ngoài ra còn xây dựng Văn Miếu hàng tỉnh ở các địa phương. Đối với Phật giáo, nhà Nguyễn có phần hạn chế, chùa mới không được làm, chùa cũ đổ nát mới được tu bổ. Chùa Thiên Mụ là một trong những kiến trúc chùa nổi bật được xây dựng dưới thời nhà Nguyễn.



Chùa Thiên Mụ (Huế)

Cùng với Phật giáo là tín ngưỡng Mẫu của dân gian. Các phủ được xây dựng như phủ Tiên Hương, Vân Cát (Nam Định), phủ Tây Hồ (Hà Nội).

Đạo Thiên Chúa được truyền bá vào Việt Nam và công khai truyền đạo dưới thời nhà Nguyễn. Một số nhà thờ được xây dựng như: nhà thờ Đức Bà (Sài Gòn), nhà thờ Lớn (Hà Nội), nhà thờ Phát Diệm (Ninh Bình). Trong đó, nhà thờ Phát Diệm là một công trình kiến trúc kết hợp nhuần nhuyễn giữa hai yếu tố phương Tây và dân tộc.



Nhà thờ Phát Diệm (Ninh Bình)

- Kiến trúc lăng mộ: có ba kiểu bố cục mặt bằng của lăng mộ thời nhà Nguyễn, kiểu thứ nhất là lăng Gia Long, lăng Thiệu Trị. Ở kiểu này, khu lăng và khu tẩm thờ được xây tách riêng, nhưng đặt song song cùng quay về một hướng. Nhà bia và điện thờ không nằm trên một trục.

Kiểu kiến trúc thứ hai là lăng Minh Mạng và lăng Khải Định. Lăng và tẩm được xây dựng trên cùng một đường trục dọc. Do đó toàn bộ kiến trúc phát triển và kéo dài theo chiều sâu hút vào. Phần tẩm thờ chen vào giữa, các kiến trúc khác xây đăng đối qua trục.

Lăng Tự Đức tiêu biểu cho kiểu lăng tẩm thứ ba của kiến trúc lăng thời Nguyễn. Ngược lại với sự trang nghiêm trong kiến trúc của lăng Minh Mạng, lăng vua Tự Đức là sự sắp xếp các công trình trong lăng. Lăng và tẩm cũng thành hai khu tách riêng song lại đặt so le, xen kẽ với những hồ nước rộng và những công trình kiến trúc như cung để vua ngự, nơi đọc sách, đánh cờ... Lăng Tự Đức với phong cách trữ tình của một khu vườn cảnh ngát hương sen, rì rào tiếng thông reo,

cảm giác u hoài của một khu lăng mộ nhường chỗ cho không khí sinh động của một công viên thanh lịch.



Lăng Khải Định



Lăng Minh Mạng

Nghệ thuật điêu khắc và hội họa

- Điêu khắc:

Đến thời Nguyễn, nghệ thuật điêu khắc rất phát triển. Trong các thể loại kiến trúc đình, đền, chùa, lăng mộ đều có rất nhiều tượng thờ. Tượng ở các lăng vua thời Nguyễn có kích thước lớn hơn nhiều so với tượng các lăng mộ các thời Trần, Lê. Ở tượng lăng Khải Định, các tượng có tỉ lệ cân đối giữa các chi tiết và đều được làm bằng đá, dáng chầu nghiêm túc, sống động.

Tượng thời Nguyễn giống như thực hơn khi các nghệ nhân đã sáng tạo, gắn kính vào mắt tượng, cắm râu và hình trang trí cầu kì, gắn mảnh chai vào mắt rồng, phượng... Tuy nhiên, các thể loại tượng chân dung các vị tổ ở chùa thì vẫn giữ được phong cách tạo hình sống động, chân thực như trước đây. Màu sắc trên các pho tượng cũng được chú ý cho giống thực, mang vẻ đẹp rực rỡ, sang trọng của màu sơn son thếp vàng.

Bên cạnh tượng tròn, điêu khắc thời Nguyễn còn phát triển thể loại chạm khắc trang trí. Ngoài những tác phẩm thuộc về chính thống với những đề tài xa lạ thì trong các làng xã, với những công trình do người dân xây dựng cho mình vẫn có nhiều tác phẩm chạm khắc mang tình dân gian.

Tranh vẽ thời Nguyễn bao gồm nhiều thể loại như tranh dân gian, tranh ghép mảnh, tranh trên kính trang trí trong các lăng tẩm. Lăng Khải Định còn nổi bật với các tranh được ghép bằng các mảnh sứ, kính màu sắc tươi tắn. Ngoài ra, trong thời Nguyễn còn phải kể đến tranh vẽ trong một số đình làng như trên hai bức cốn ở gian giữa đình Lỗ Hạnh (Bắc Giang) thuộc đề tài “Bát tiên” với đường nét mềm mại và phong phú về màu sắc.

2.2.3 Mỹ thuật từ năm 1945 đến nay

Mỹ thuật Việt Nam thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, mỹ thuật giai đoạn này thực sự là mỹ thuật cách mạng. Nghệ thuật đi theo hướng phục vụ nhân dân, phục vụ kháng chiến. Các họa sĩ vẽ tranh cổ động kêu gọi toàn dân kháng chiến, bảo vệ nền độc lập, đánh đuổi giặc ngoại xâm. Năm 1946, cuộc triển lãm mỹ thuật toàn quốc đầu tiên đã thu hút nhiều họa sĩ và nhà điêu khắc. Năm 1952, trường Mỹ thuật Kháng chiến được thành lập, thế hệ họa sĩ đầu tiên đào tạo trong cách mạng đã nhanh chóng hòa vào các hoạt động văn hóa nghệ thuật, sáng tác nhiều tác phẩm phục vụ, động viên đồng bào hăng hái tham gia đánh giặc cứu nước.

Nghệ thuật đồ họa

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đồ họa là loại hình nghệ thuật có điều kiện phát triển nhất. Các thể loại đồ họa như tranh cổ động, tranh minh họa cho sách báo kháng chiến là thể loại phát triển mạnh nhất. Các họa sĩ như Trần Văn Cẩn, Nguyễn Sáng, Nguyễn Bích, Huy Toàn, Phạm Thanh Tâm... là những họa sĩ tiêu biểu. Bên cạnh đó, tranh kí họa cũng là một thể loại đặc biệt của đồ họa thời kỳ này, tranh được vẽ kí, màu sắc trong tranh kí họa nhẹ nhàng, đơn giản, đôi khi chỉ đóng vai trò hỗ trợ thêm cho đường nét. Có thể kể đến các bức tranh kí họa của họa sĩ Tô Ngọc Vân, Trần Văn Cẩn như: “Đốt đuốc đi học”, “Hành quân qua suối”, “Đấu địa chủ”...



Đốt đuốc đi học . Tranh của Tô Ngọc Vân

Nghệ thuật hội họa: số lượng tranh của thời kỳ này không nhiều, song giá trị của chúng lại rất lớn. Phải kể đến tác phẩm của họa sĩ Mai Văn Hiến với đề tài kêu gọi quân địch ở Bản Keo đầu hàng, trở về gia đình, được sáng tác ngay tại chiến hào; hay như tranh sơn mài “Bộ đội nghỉ chân trên đồi” của họa sĩ Tô Ngọc Vân, tranh “Bát nước” của họa sĩ Nguyễn Sĩ Ngọc...

Mỹ thuật Việt Nam giai đoạn từ 1954 – 1975

Năm 1954, Việt Nam đã chiến thắng thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ, chấm dứt thời kỳ lịch sử và mở ra một trang sử mới: hòa bình và xây dựng cuộc sống mới ở miền Bắc, miền Nam ruột thịt vẫn phải đấu tranh ác liệt với kẻ thù, tiếp tục sự nghiệp giải phóng dân tộc. Mỹ thuật thời kỳ này cũng đề cập và xoay quanh chủ đề theo hai mảng: xây dựng đất nước và đấu tranh, bảo vệ tổ quốc ở cả hai miền.

Với các tác phẩm và tên tuổi của các họa sĩ như: “Tát nước đồng chiêm” của Trần Văn Cẩn, “Tổ đổi công miền núi” của Hoàng Tích Chù, “Bình minh trên nông trang” của Nguyễn Đức Nùng, “Công nhân cơ khí” của Nguyễn Đỗ Cung, các đại diện miền Nam phải kể đến như: “Đánh đến cùng” của Cổ Tấn Long Châu...



Tổ đổi công miền núi



Công nhân cơ khí

Tranh sơn mài của Hoàng Tích Chù

Tranh sơn dầu của Nguyễn Đỗ Cung

Năm 1958, tranh Việt Nam đã được trưng bày, tham gia triển lãm mỹ thuật quốc tế tại Matxcơva. Thời kỳ 1954 đến 1964 là thời kỳ tranh sơn mài, với nhiều tác phẩm đạt trình độ cao về kỹ thuật cũng như về giá trị tư tưởng, thậm chí: “Hành quân đêm” của họa sĩ Nguyễn Hiêm, “Nhớ một chiều Tây Bắc” của Phan Kế An... Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của hội họa, điêu khắc trong giai đoạn này cũng có nhiều tác phẩm thành công. Các tác phẩm điêu khắc đã được sáng tác với một ngôn ngữ tạo hình chân thực, đơn giản và dễ hiểu. Hiện thực cuộc sống được diễn tả một cách mộc mạc, sinh động.

Mỹ thuật Việt Nam từ 1975 đến nay

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước bắt đầu một kỉ nguyên mới, kỉ nguyên xây dựng đất nước. Đây cũng là giai đoạn phát triển đặc biệt của mỹ thuật Việt Nam hiện đại. Nền nghệ thuật tạo hình lại một lần nữa thay da đổi thịt. Những nội dung, đề tài về cuộc sống hòa bình, lao động sản xuất, xây dựng đất nước được chuyển tải trong tranh, tượng. Nhiều tác phẩm về đề tài chiến tranh vẫn được các họa sĩ tiếp tục thể hiện, chủ yếu là ca ngợi, hàn

hoan và chiến thắng, hay sự trăn trở, day dứt, nhớ về những mất mát, hi sinh... như tranh “Ngã ba đồng” của Lê Huy Hòa... Trong tranh, tượng còn xuất hiện các chủ đề, nội dung mang tính trừu tượng, triết lí về cuộc sống như “Sự sống và cái chết” của Bửu Chi, “Màu thời gian” của Trương Bé, “Không đẽ” của Đỗ Hoàng Tường...

Nội dung thay đổi dẫn đến sự thay đổi lớn về hình thức của các tác phẩm. Nếu trước đây các tác phẩm mang vóc dáng điển hình, khái quát, gần với nguyên mẫu để phản ánh hiện thực cuộc sống thì nay các họa sĩ lại muốn dùng ngôn ngữ màu sắc, hình khối, đường nét, bố cục sắp xếp để biểu hiện một khái niệm, một triết lí mang tính trừu tượng.

Đội ngũ các nghệ sĩ tạo hình ngày một đông đảo thêm về chất và lượng. Bên cạnh những thế hệ họa sĩ được đào tạo ở trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, các họa sĩ khóa Tô Ngọc Vân và những khóa đầu của trường Mỹ thuật Hà Nội, sau cách mạng còn có những thế hệ tiếp theo tiếp bước.

Hoạt động mỹ thuật cũng trở nên sôi nổi, nhất là ở các thành phố lớn, nhiều triển lãm mỹ thuật do hội và cá nhân tổ chức. Phong cách rất phong phú, đa dạng. Các loại hình nghệ thuật tạo hình đều phát triển và đóng góp lớn cho xã hội. Trang trí và mỹ thuật ứng dụng bám sát cuộc sống, thiết kế trang trí mang tính nghệ thuật. Đồ họa phát triển mạnh. Có thể nói, chưa bao giờ vai trò của mỹ thuật được khẳng định và mở rộng như ngày nay.

Mỹ thuật Việt Nam từ năm 1945 đến nay đã đạt được nhiều thành công đáng kể. Đó là sự đa dạng, phong phú của đề tài và những hình tượng đặc biệt sự thành công trong hình tượng người phụ nữ Việt Nam trong lao động, trong chiến đấu, trong gia đình và ngoài xã hội. Đó là sự phát triển của chất liệu và thể loại, các chất liệu như: sơn mài, sơn dầu, lụa, bột màu, thuốc nước... được các họa sĩ kế thừa, sáng tạo; nhiều tác phẩm điêu khắc đẹp và có giá trị từ thạch cao được ra đời như: “Vót chông” của Phạm Mươi, “Đài kỉ niệm núi thành” của Lê Công Thành, Bác Hồ bên suối Lê-nin của Diệp Minh Châu... Đó là sự phát triển của các thể loại tranh, tượng. Tất cả các thể loại tranh, tượng đều có mặt và có những thành công nhất định, trong đó thành công nhất là tranh sinh hoạt.

Một số tên tuổi và các tác phẩm tiêu biểu của mỹ thuật Việt Nam từ năm 1945 đến nay phải kể đến như: Trần Văn Cẩn với “Em Thúy”, “Tát nước đồng chiêm”, “Nữ dân quân trên miền biển”. Nguyễn Đỗ Cung với “Cổng thành Huế”, “Du kích tập bắn”, “Tan ca, mời chị em đi họp để thi thợ giỏi”. Nguyễn Sáng với “Kết nạp Đảng ở Điện Biên Phủ”, “Thiếu nữ bên hoa sen”. Bùi Xuân Phái với “Phố cổ”, “Trước giờ biểu diễn”, Diệp Minh Châu với các tác phẩm điêu khắc tượng thạch cao, Nguyễn Phan Chánh với “Chơi ô ăn quan”, “Bữa cơm vụ màu thắng lợi”...